

Số: 20/NQ-ĐHĐCĐ/EMS

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, trong đó sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổng công ty EMS/Tổng công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty EMS thông qua ngày 26/04/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 28/04/2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần ngày 21/04/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần với một số nội dung chủ yếu:

1.1 Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022		
		KH 2022	% so TH2021	TH 2022	% so TH 2021	% so KH 2022
I	Tổng doanh thu	3,360,000	134.36%	2,243,492	89.72%	66.77%
II	Tổng chi phí	3,270,500	135.47%	2,153,961	89.22%	65.86%
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	89,500	103.60%	89,531	103.63%	100.04%
IV	Tổng lợi nhuận sau thuế	71,400	104.93%	71,348	104.85%	99.93%
V	Tỷ lệ cổ tức	10%	100.00%	20%	200.00%	200.00%
VI	Vốn chủ sở hữu (*)	236,583	115.96%	236,579	115.96%	100.00%
VII	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VCSH	30.18%	90.55%	30.16%	90.42%	99.93%

* Ghi chú: Chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu được xác định theo quy định tại Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính, bao gồm Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411), Quỹ đầu tư phát



triển (Mã số 418), Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 422). Chỉ tiêu này được xác định theo số cuối kỳ tại Bảng cân đối kế toán trên Báo cáo tài chính.

1.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

- Tổng doanh thu: 2,650 tỷ đồng, tăng 18.12% so với tổng doanh thu thực hiện năm 2022.
- Lợi nhuận trước thuế: 90 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 71.75 tỷ đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: 30.21%.
- Tỷ lệ cổ tức: 10%/cổ phần.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/04/2023 đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 với một số nội dung chủ yếu sau:

2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ % 2022/2021
1	Tổng Doanh thu	2,500,664	2,243,492	89.72%
1.1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,495,606	2,235,889	89.59%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	4,776	7,372	154.37%
1.3	Thu nhập khác	283	231	81.64%
2	Chi phí	2,414,273	2,153,961	89.22%
3	Lợi nhuận trước thuế	86,392	89,531	103.63%
4	Tỷ lệ cổ tức	10%	20%	200.00%

2.2 Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ % 2023/2022
1	Tổng Doanh thu	2,243,492	2,650,000	118.12%
1.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,235,889	2,645,100	118.30%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	7,372	4,500	61.04%
1.3	Thu nhập khác	231	400	173.16%
2	Chi phí	2,153,961	2,560,000	118.85%
3	Lợi nhuận trước thuế	89,531	90,000	100.52%
4	Tỷ lệ cổ tức	20%	10%	50.00%

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/04/2023 đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 05/BKS-2023 ngày 21/04/2023 đính kèm).

Điều 4. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty EMS.
- Ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty EMS.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

5.1 Một số chỉ tiêu chính trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022
1	Tổng tài sản	819,760	726,565
2	Vốn chủ sở hữu	272,077	308,650
2.1	Vốn góp của chủ sở hữu	179,998	209,994
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	24,029	26,585
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	68,050	72,071

5.2 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Cách tính	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ % 2022/2021
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	(a)	2,495,606	2,235,889	89.59%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(b)	-	-	
3	Doanh thu thuần	(c=a-b)	2,495,606	2,235,889	89.59%
4	Giá vốn cung cấp dịch vụ	(d)	2,022,183	1,864,407	92.20%
5	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	(e=c-d)	473,423	371,482	78.47%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	(f)	4,776	7,372	154.36%
7	Chi phí tài chính	(g)	1,778	2,650	149.01%
8	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	(h)	390,311	286,641	73.44%

9	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	(i=e+f-g-h)	86,109	89,564	104.01%
10	Thu nhập khác	(k1)	283	231	81.54%
11	Chi phí khác	(k2)	-	263	-
12	Lợi nhuận khác	(k=k1-k2)	283	-32	-11.45%
13	Tổng lợi nhuận trước thuế	(l=i+k)	86,392	89,531	103.63%
14	Thuế TNDN hiện hành	(m)	18,344	18,184	99.13%
15	Lợi nhuận sau thuế	(p=l-m)	68,047	71,348	104.85%

Chi tiết Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã được đăng tải trên website của Tổng công ty EMS tại địa chỉ <https://ems.com.vn/>.

Điều 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Công thức	Thuyết minh
1	Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2022	89,531,388,074	(a)	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	18,183,880,220	(b)	
3	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022	71,347,507,854	(c=a-b)	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2021	723,445,482	(d)	
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2022	72,070,953,336	(e=c+d)	
5.1	Trả thù lao cho HĐQT và BKS	501,120,000	(f)	Theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 của ĐHĐCĐ TCT EMS.
5.2	Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 20%/cổ phần thực tế lưu hành	41,998,880,000	(g) = 20% x 20,999,440 x 10,000	Tăng thêm 10% so với Tỷ lệ cổ tức kế hoạch năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022.
5.3	Lợi nhuận còn lại	29,570,953,336	(h=e-f-g)	
a	Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành bằng 1.0 tháng lương bình quân thực hiện của cán bộ quản lý	363,700,000	(i)	Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2022 và Quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.
b	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 1.0 tháng lương thực hiện của CBCNV	28,245,000,000	(j)	

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Công thức	Thuyết minh
c	Trích Quỹ đầu tư phát triển	962,253,336	(k)=(h-i-j)	

Điều 7. Thông qua thù lao, tiền lương HĐQT, BKS thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023

7.1 Thù lao, tiền lương HĐQT và BKS thực hiện năm 2022

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2022		Thực hiện năm 2022	
		Số lượng (người)	Thù lao/Tiền lương BQ (đ/ng/thg)	Số lượng (người)	Thù lao/Tiền lương BQ (đ/ng/thg)
I	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách		54,000,000		54,000,000
II	Thù lao của cán bộ kiêm nhiệm		673,920,000		501,120,000
1	Chủ tịch HĐQT	1	11,880,000	0.3	11,880,000
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	9,720,000	2.3	9,720,000
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	7,560,000	2	7,560,000
III	Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách	1	44,250,000	1	37,500,000

7.2 Thù lao, tiền lương HĐQT và BKS kế hoạch năm 2023

TT	Chức danh	Đề xuất KH năm 2023	
		Số lượng (người)	Thù lao/Tiền lương BQ (đồng/người/tháng)
I	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	54,000,000
II	Thù lao của cán bộ kiêm nhiệm		414,720,000
1	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	2	9,720,000
2	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	7,560,000
III	Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách	1	37,500,000

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 07/TTr-HĐQT.V tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/04/2023 đính kèm).

Điều 8. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty EMS

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung
1	Điểm d, Khoản 1, Điều 1. Giải thích thuật ngữ	d) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	d) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
2	Khoản 1, Điều 16. Thay đổi các quyền	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp thông qua.
3	Khoản 1, Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
4	Khoản 2, Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung
	đồng cổ đông được thông qua	50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty.	50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty.
5	Điểm g, Khoản 1, Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp ;	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ;

Điều 9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS

STT	Điều khoản	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị cũ sau khi sửa đổi, bổ sung
1	Điểm c, Khoản 1, Điều 2. Giải thích thuật ngữ	c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm ;
2	Tiết (vii), điểm a, Khoản 12, Điều 6. Quy trình, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	(vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp ;	(vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ;
3	Khoản 1, Điều 10. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả

	đồng cổ đông được thông qua	<p>cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Tổng công ty:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.</p>	<p>cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Tổng công ty:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.</p>
4	Khoản 2, Điều 10. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.
5	Khoản 2, Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản 1 Điều này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản 1 Điều này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên

			đổi về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.
--	--	--	--

Điều 10. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT

STT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT sau khi sửa đổi, bổ sung
1	Điểm j, Khoản 1, Điều 1. Các định nghĩa	j) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	j) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
2	Khoản 2, Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 11. Thông qua phương án sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS

11.1 Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS như sau:

- Bổ sung thêm 23 ngành nghề kinh doanh liên quan các dịch vụ phân phối, bán buôn, bán lẻ hàng hóa (chi tiết tại Phụ lục 01 Tờ trình số 09/TTr-HĐQT.V về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS đính kèm).
- Bỏ chi tiết ngành nghề đối với mã ngành 4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết tại Phụ lục 02 Tờ trình số 09/TTr-HĐQT.V về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS đính kèm).

Danh mục ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS sau khi sửa đổi, bổ sung chi tiết tại Phụ lục 03 Tờ trình số 09/TTr-HĐQT.V về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS đính kèm.

11.2 Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Tổng công ty liên quan đến nội dung điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty.

11.3 Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty thực hiện thủ tục điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật; cập nhật nội dung liên quan đến điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào Điều lệ Tổng công ty, các giấy tờ/văn bản liên quan theo quy định của Pháp luật; và thực hiện các công việc khác có liên quan đến việc điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật.

Điều 12. Bầu thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần Nhiệm kỳ 2023-2028

Danh sách thành viên trúng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty EMS Nhiệm kỳ 2023 – 2028 bao gồm 03 thành viên:

1. Ông Phạm Tất Thành
2. Bà Trần Thị Thu Hương
3. Bà Lưu Ngọc Mỹ

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị Công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty EMS.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. *Đã ký*

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX, Cổ đông (để báo cáo),
- TV.HĐQT; Ban Tổng giám đốc (để t/hiện),
- Ban kiểm soát (để giám sát),
- Lưu HĐQT.



Nguyễn Xuân Lam